

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020
thành phố Hà Tĩnh

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tĩnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thành phố Hà Tĩnh với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hồ sơ trình phê duyệt kèm theo tờ trình gồm:

1.1. Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thành phố Hà Tĩnh (kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 05/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Hà Tĩnh) và hệ thống biểu mẫu kèm;

1.2. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất thành phố Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/10.000;

1.3. Bản đồ điều chỉnh quy hoạch thành phố Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/10.000.

2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2016:

Thực hiện Quyết định số 4318/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2009-2015) của thành phố Hà Tĩnh, qua 5 năm tổ chức thực hiện, đạt được kết quả như sau:

Bảng: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu QHSDD đến 2015

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch /kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	So sánh	
			Tăng (+), giảm (-) (ha)		Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
1	Đất nông nghiệp	NNP	2506,69	2.842,68	335,99	113,40
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1549,37	1.905,32	355,95	122,97
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1208,4</i>	<i>1.496,44</i>	<i>288,04</i>	<i>123,84</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	161,28	197,47	36,19	122,44
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	395,61	365,35	-30,26	92,35
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	108,98	72,06	-36,92	66,12
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		-	0,00	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	0,06	0,06	0,00	-

1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	196,36	299,28	102,92	152,42
1.8	Đất làm muối	LMU		-	0,00	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	95,03	3,13	-91,90	3,29
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3148,09	2.639,06	-509,03	83,83
2.1	Đất quốc phòng	CQP	10,38	12,94	2,56	124,64
2.2	Đất an ninh	CAN	10,25	13,05	2,80	127,28
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	136,23	-	-136,23	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT		-	0,00	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN		10,24	10,24	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		42,69	42,69	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	43,3	21,16	-22,14	48,87
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		-	0,00	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1497	1.104,57	-392,43	73,79
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,64	0,43	-0,21	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		-	0,00	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,88	2,88	0,00	99,91
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	170,74	304,65	133,91	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	693,23	513,02	-180,21	74,00
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	48,79	34,62	-14,17	70,95
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		6,20	6,20	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		-	0,00	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON		8,97	8,97	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	68,2	64,36	-3,84	94,37
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,29	-	-0,29	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		11,53	11,53	#DIV/0!
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		41,78	41,78	#DIV/0!
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,04	15,36	-0,68	95,78
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	295,73	249,65	-46,08	84,42
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	93,37	180,96	87,59	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	61,02	-	-61,02	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	0	173,23	173,23	

Đánh giá việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

a. Những mặt đạt được

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã tạo sự chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu và tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động và đảm bảo nhu cầu sử dụng đất cho mục đích quốc phòng, an ninh.

- Thông qua công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhận thức về vị trí, vai trò và ý thức chấp hành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp chính quyền và người sử dụng đất được nâng lên; công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng đi vào thực chất; việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã tuân thủ các nguyên tắc, căn cứ, trình tự, nội dung pháp luật đất đai quy định; việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất cơ bản bám sát và tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; từng bước khắc phục được tình trạng giao đất, cho thuê đất trái thẩm quyền, không đúng đối tượng.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là cơ sở pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Việc công bố quy hoạch

được UBND thành phố thực hiện công khai đến cơ sở, đúng quy trình, quy định giúp cho người dân biết được thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Giai đoạn 2011-2015 nhiều hạng mục đã được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt (các công trình trong và ngoài quy hoạch sử dụng đất), góp phần đạt được một số kết quả nhất định:

+ Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ cấp thành phố đến cấp phường, xã.

+ Làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Chủ động dành quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng, các khu chức năng, khu dân cư. Đặc biệt là trong quá trình chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM, góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH của thành phố và của tỉnh.

+ Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

b. Những tồn tại trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố

- Công tác xây dựng lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố chưa được triển khai kịp thời, còn chậm so với yêu cầu quản lý và phục vụ nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn nhiều hạng mục chưa phù hợp với thực tiễn phải điều chỉnh lại do công tác dự báo phát triển kinh tế - xã hội chưa sát; mặt khác giai đoạn vừa qua việc thu hút đầu tư còn gặp nhiều khó khăn.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa đạt theo quy hoạch được duyệt, đến năm 2015 còn nhiều công trình, dự án chưa triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, do nhu cầu thực tiễn, nhiều công trình dự án trên địa bàn đã được triển khai thực hiện mặc dù trong quy hoạch chưa đề cập.

- Việc tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch được duyệt có nơi chưa được thực hiện nghiêm túc. Chính quyền cấp xã một số nơi chưa làm đúng quy hoạch trong việc lựa chọn địa điểm, quy mô, một số hạng mục chưa được triển khai theo quy định.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch ngành chưa thực sự thống nhất, đồng bộ, tình trạng tự phát, cục bộ thực hiện quy hoạch, kế hoạch của các ngành, các cấp vẫn chưa được chấn chỉnh. Tình trạng sử dụng đất vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vẫn còn tồn tại.

- Ruộng đất chưa đủ quy mô lớn, khó khăn trở ngại đối với sản xuất quy mô hàng hoá, tập trung. Kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình theo kế hoạch sử dụng đất hạn chế dẫn tới việc chưa thể thực hiện theo kế hoạch đã đề ra.

- Chính sách pháp luật về đất đai có nhiều thay đổi (đặc biệt là thay đổi liên quan đến giá bồi thường giải phóng mặt bằng), chính sách bồi thường hỗ trợ TĐC

chưa hợp lý, thiếu đồng bộ cũng là nguyên nhân gây nhiều khó khăn khi Nhà nước thu hồi đất, đặc biệt khi thu hồi đất vào mục đích phát triển KT-XH.

- Khả năng đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng. Trong quá trình sử dụng đất, việc quản lý chưa chặt chẽ, nhất là cấp cơ sở đã dẫn đến việc sử dụng đất chưa hợp lý, kém hiệu quả và còn tình trạng sử dụng sai mục đích.

c. Nguyên nhân tồn tại

- Chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn nhiều điểm chưa phù hợp với thực tiễn do công tác dự báo và còn lệ thuộc nhiều vào nguồn lực và các yếu tố khách quan. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm vẫn chưa bám sát vào quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt mà thường lệ thuộc vào nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn.

- Tác động ảnh hưởng của suy thoái kinh tế làm giảm khả năng thu hút đầu tư; công tác GPMB chưa kịp thời; cơ chế khuyến khích đầu tư còn nhiều hạn chế; nhiều dự án chưa thu hút được nhà đầu tư có tiềm lực, chưa có nguồn vốn nên không thể thực hiện được dẫn đến chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp đạt thấp hơn so với kế hoạch được duyệt.

- Khung giá đất để áp dụng thu tiền khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định trong thời gian qua chưa sát với giá thị trường, chính sách đền bù cho đối tượng có đất bị thu hồi còn bất cập đang là vấn đề cần quan tâm và có chính sách hỗ trợ thiết thực đảm bảo quyền lợi của các bên, làm tăng tính khả thi của công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp vượt so với chỉ tiêu kế hoạch và một số chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch. Nguyên nhân là do kiểm kê năm 2014 được thực hiện theo phương pháp mới, trên phần mềm chuyên ngành của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định, kết quả số liệu diện tích được trích xuất từ bản đồ địa chính các xã nên diện tích một số loại đất được xác định lại, hệ số tăng khác và giá khác chênh lệch tương đối lớn so với số liệu kiểm kê năm 2010 theo phương pháp cũ. Bên cạnh đó, trong quá trình thống kê, kiểm kê đất đai một số loại đất được xác định lại mục đích sử dụng theo quy định của Luật Đất đai 2013.

3. Nội dung phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 :

3.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng		Quy hoạch đến năm 2020			
			Tổng diện tích	Tỷ lệ %	Diện tích cấp tỉnh phân bổ	Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung	Tổng diện tích	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+...+(...)		(4)	(5)	(6)=(7)+...+(...)	
			5.654,97		5.654,97		5.654,97	100
1	Đất nông nghiệp	NNP	2.842,68	50,27	2.210,45	23,83	2.234,28	39,51
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.905,32	67,03	1.312,83	2,10	1.314,93	58,85
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	1.496,44	52,64	981,89	-36,63	945,26	42,31
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	197,47	6,95	110,19	41,90	152,09	6,81
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	365,35	12,85	361,07	-22,82	338,25	15,14
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	72,06	2,53	99,84	-	99,84	4,47
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	0,06	-	-	0,06	0,06	0,00
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	299,28	10,53	298,19	-13,93	284,26	12,72
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,13	0,11	28,33	16,51	44,84	2,01
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.639,06	46,67	3.306,63	-5,17	3.301,46	58,38
2.1	Đất quốc phòng	CQP	12,94	0,49	17,48	-	17,48	0,53
2.2	Đất an ninh	CAN	13,05	0,49	34,50	-	34,50	1,04
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	10,24	0,39	5,44	0,30	5,74	0,17
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	42,69	1,62	76,01	14,99	91,00	2,76
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	21,16	0,80	19,43	10,08	29,51	0,89
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.104,57	41,85	1.417,39	-69,97	1.347,42	40,81
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,43	0,02	0,43	-	0,43	0,01
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,88	0,11	18,23	-10,35	7,88	0,24
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	304,65	11,54	386,39	16,17	402,56	12,19
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	513,02	19,44	664,57	-	664,57	20,13
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	34,62	1,31	37,30	22,16	59,46	1,80
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	6,20	0,23	5,17	0,90	6,07	0,18
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	8,97	0,34	11,34	0,86	12,20	0,37
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	64,36	2,44	72,16	-	72,16	2,19
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-	-	-	-	-	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,53	0,44	-	-	13,40	0,41
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	41,78	1,58	-	-	45,32	1,37
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	15,36	0,58	-	-	15,49	0,47
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	249,65	9,46	-	-	249,65	7,56
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	180,96	6,86	-	-	226,62	6,86
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	173,23	3,06	137,91	-18,68	119,23	2,11

3.2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Phường Trần Phú	Phường Nam Hà	Phường Bắc Hà	Phường Nguyễn Du
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(20)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	639,19	5,92	0,77	1,44	29,23
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	550,49	1,50	-	-	29,01
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>512,74</i>	<i>1,50</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>29,01</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	45,38	-	-	-	0,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	27,10	3,23	0,77	1,44	0,02
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	16,22	1,19	-	-	-
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		4,80	-	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>		<i>-</i>				
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	-	-	-	-	-
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	-	-	-	-	-
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	4,80	-	-	-	-
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	-	-	-	-	-
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-	-	-	-	-
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	-	-	-	-	-
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)	-	-	-	-	-
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)	-	-	-	-	-
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	-	-	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	5,58	0,62	0,47	-	1,60

Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
Phường Tân Giang	Phường Đại Nài	Phường Hà Huy Tập	Xã Thạch Trung	Phường Thạch Quý	Phường Thạch Linh	Phường Văn Yên	Xã Thạch Hạ	Xã Thạch Môn	Xã Thạch Đồng	Xã Thạch Hưng	Xã Thạch Bình
(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
3,10	24,93	56,68	149,73	55,96	130,36	26,77	49,49	14,44	42,91	35,72	11,74
1,64	23,42	52,93	130,54	49,40	119,30	26,51	37,21	5,16	37,19	27,34	9,34
1,64	23,42	52,93	129,54	38,93	113,22	26,51	34,10	4,16	25,98	22,46	9,34
-	0,35	-	10,39	5,31	0,65	0,26	10,08	8,24	3,62	4,88	1,40
1,46	-	1,68	8,80	0,98	2,48	-	2,00	1,04	1,00	1,20	1,00
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	1,16	2,07	-	0,27	7,93	-	0,20	-	1,10	2,30	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,80	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,80	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
0,58	0,32	0,06	-	0,16	0,02	0,07	0,36	-	1,30	0,02	-

3.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Phường Trần Phú	Phường Nam Hà	Phường Bắc Hà	Phường Nguyễn Du
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(20)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đất nông nghiệp	NNP	30,63	-	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	-	-	-	-	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-	-	-	-	-
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	27,78	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-	-	-	-	-
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,85	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	23,37	0,15	0,12	-	1,14
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,03	-	-	-	0,03
2.2	Đất an ninh	CAN	-	-	-	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,64	0,15	-	-	-
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,17	-	-	-	-
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	5,52	-	-	-	0,68
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	-	-	-	-	-
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	-	-	-	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,15	-	-	-	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	2,26	-	-	-	0,05
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,49	-	-	-	0,38
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	-	-	-	-	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,55	-	-	-	-
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	-	-	-	-	-
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-	-	-	-	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,16	-	0,12	-	-
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	-	-	-	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-	-
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	-	-	-	-	-
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	10,40	-	-	-	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-

Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
Phường Tân Giang	Phường Đại Nài	Phường Hà Huy Tập	Xã Thạch Trung	Phường Thạch Quý	Phường Thạch Linh	Phường Văn Yên	Xã Thạch Hạ	Xã Thạch Môn	Xã Thạch Đồng	Xã Thạch Hưng	Xã Thạch Bình
(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
-	-	-	-	-	-	-	16,78	11,00	-	-	2,85
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	16,78	11,00	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,85
1,62	0,18	-	0,45	5,86	2,17	1,90	1,25	-	5,09	2,42	1,02
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	0,45	-	0,96	-	0,08	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	1,17	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
0,72	-	-	-	-	-	0,66	0,02	-	-	2,42	1,02
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	1,15	-	-	-	-
0,79	0,16	-	-	-	1,19	0,07	-	-	-	-	-
0,11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	0,55	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	0,02	-	-	-	0,02	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	5,31	-	-	-	-	5,09	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

4. Kế hoạch sử dụng đất năm 2016

(Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thành phố Hà Tĩnh đã được phê duyệt theo các QĐ số 757/ QĐ-UBND ngày 30/3/2016 , QĐ số 2288/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 & QĐ số 3636/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

4.1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất đến 31/12/2016

Kế hoạch sử dụng đất thành phố Hà Tĩnh được duyệt năm 2016 có 130 hạng mục công trình, dự án với tổng diện tích 216,69 ha.

Trong năm 2016 thành phố Hà Tĩnh thực hiện được 36 công trình, dự án (đạt 27,69% tổng số danh mục) với tổng diện tích 31,37 ha (đạt 14,46% tổng diện tích), diện tích tăng thêm được lấy từ các loại đất: đất nông nghiệp 29,29 ha, đất phi nông nghiệp 2,05 ha và đất chưa sử dụng 0,03 ha.

Trong 94 danh mục công trình, dự án chưa được thực hiện thu hồi đất trong năm 2016 có các nhóm nguyên nhân chính sau:

+ Chậm bồi thường, giải phóng mặt bằng 15 danh mục công trình, dự án với tổng diện tích 20,20 ha.

+ Chậm bồi thường, tái định cư 07 danh mục công trình, dự án với tổng diện tích 10,50 ha.

+ Chưa xác định nhu cầu, quy mô và hiệu quả đầu tư 27 danh mục công trình, dự án với tổng diện tích 46,21 ha.

+ Thiếu nguồn vốn 45 danh mục công trình, dự án với tổng diện tích 108,41 ha.

* Đánh giá Kết quả thực hiện được trong năm 2016 so với kế hoạch được duyệt.

Căn cứ các quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 thành phố Hà Tĩnh (theo các QĐ số 757 & QĐ số 2288, QĐ 3636), số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2015 và số liệu hiện trạng sử dụng đất 2016, cho thấy:

- Để đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch sử dụng đất đề ra thì diện tích đất nông nghiệp của thành phố Hà Tĩnh sẽ thực giảm 61,43 ha (cụ thể: Diện tích kế hoạch được duyệt là 2778,4 ha và diện tích hiện trạng sử dụng đất 2015 là 2839,83 ha). Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2016 thì diện tích đất nông nghiệp chỉ mới thực giảm 26,44 ha (cụ thể: Diện tích hiện trạng sử dụng đất 2016 là 2813,39 ha và diện tích hiện trạng sử dụng đất 2015 là 2839,83 ha), đạt 43,04% so với kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp đề ra;

- Để đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch sử dụng đất đề ra thì diện tích phi đất nông nghiệp của thành phố Hà Tĩnh sẽ tăng 61,43 ha (cụ thể: Diện tích kế hoạch được duyệt là 2701,62 ha và diện tích hiện trạng sử dụng đất 2015 là 2640,19 ha). Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay thì diện tích đất phi nông nghiệp chỉ mới thực tăng 28,19 ha (cụ thể: Diện tích hiện trạng sử dụng đất 2016 là 2668,62 ha và diện tích hiện trạng sử dụng đất 2015 là 2640,19 ha), đạt 45,89 % so với kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp đề ra;

- Trong giai đoạn quy hoạch không đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng. Tuy nhiên, đến 31/12/2016 thì diện tích đất chưa sử dụng giảm 1,76 ha (cụ thể: Diện tích hiện trạng sử dụng đất 2016 là 173,2 ha và diện tích hiện trạng sử dụng đất 2015 là 174,96 ha), vượt chỉ tiêu đề ra.

4.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2016.

a. Thành quả

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của thành phố, kế hoạch sử dụng đất đã có những tác động tích cực như sau:

- Luật Đất đai 2013 ra đời giúp cho công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn đã có những chuyển biến rất tích cực, các nội dung quản lý Nhà nước theo Luật được thực hiện cụ thể và đồng bộ. Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng chặt chẽ, góp phần tích cực vào việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả.

- Nhận thức về vị trí, vai trò của công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và ý thức chấp hành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp chính quyền đã được nâng lên, việc giao đất, cho thuê đất được thực hiện phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

- Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã phát huy tính dân chủ, công khai, giảm được nhiều tiêu cực trong công tác quản lý đất đai. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trở thành một trong những công cụ quan trọng của các cấp chính quyền để quản lý, sử dụng và chỉ đạo khai thác đất đai có hiệu quả hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Quy hoạch, kế hoạch được thực hiện đã làm thay đổi diện mạo của thành phố, cơ sở hạ tầng ngày càng phát triển, đời sống kinh tế, văn hóa, tinh thần của nhân dân trong quận ngày một tốt hơn, thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến để tìm cơ hội đầu tư góp phần phát triển đô thị.

b. Những tồn tại

Bên cạnh các mặt tích cực, việc triển khai kế hoạch sử dụng đất vẫn còn những tồn tại như sau:

- Việc xây dựng lấn chiếm trái phép, hoặc không xin phép vẫn còn diễn ra ở các khu dân cư, đặc biệt trong các khu vực tư phát không phù hợp.

- Một số dự án được triển khai thực hiện nhưng công tác thu hồi, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn do còn một số ít hộ dân chưa đồng thuận về giá bồi thường hoặc có những yêu cầu về quyền lợi chưa phù hợp với chính sách chung hiện nay. Việc chậm trễ việc thu hồi, giải phóng mặt bằng làm giảm đi hiệu quả của việc kế hoạch sử dụng đất..

- Do ảnh hưởng của việc suy thoái kinh tế nên thiếu vốn đầu tư thực hiện dự án điều này dẫn đến việc thực hiện các dự án không đúng kế hoạch, kéo dài thời gian thực hiện gây lãng phí .

- Hệ thống kế hoạch sử dụng đất còn nặng về sắp xếp các loại đất theo mục tiêu

quản lý hành chính, chưa tính toán đầy đủ về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm bảo đảm phát triển bền vững trong sử dụng đất, chưa phát huy hết tiềm năng đất đai.

4.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế quy hoạch sử dụng đất năm 2016.

a. Nguyên nhân khách quan:

- Phụ thuộc vào các quy định của pháp Luật Đất đai, danh mục các dự án kế hoạch sử dụng đất xác định một trong những căn cứ pháp lý giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất, do khi lập kế hoạch sử dụng đất một số dự án không có tính khả thi cao nhưng khuynh hướng là đưa vào kế hoạch sử dụng đất để có cơ sở pháp lý Nhà nước ra quyết định thu hồi đất và giao đất, cho thuê đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất vì vậy kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả thấp so với chỉ tiêu đã được phê duyệt.

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm dù sát sao nhưng vẫn chưa tính hết khả năng về tài chính bởi phụ thuộc vào nhu cầu và khả năng đầu tư của xã hội và Nhà nước... (hiện nay đang thực hiện những giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cắt giảm ngân sách các dự án thông thường chỉ tập trung bố trí vốn cho một số dự án công trình cấp bách của xã hội) dẫn đến một số dự án, công trình không triển khai thực hiện được.

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực, cho các dự án đầu tư chưa được tính toán khoa học, chưa sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội dẫn tới tình hình vừa thiếu, vừa thừa quỹ đất và thường phải điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kế hoạch sử dụng đất chưa tính toán đầy đủ về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, chưa phát huy được tiềm năng đất đai;

- Công tác dự báo nhu cầu và xác định danh mục dự án đầu tư đưa vào kỳ kế hoạch, nhất là các dự án sử dụng vào mục đích kinh doanh thường không thể chính xác và luôn có sự thay đổi theo nhu cầu thị trường nên kế hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh liên tục làm kéo dài thời gian lập và hoàn chỉnh hồ sơ. Trong thực tế, sau khi kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt lại có nhiều dự án phát sinh thêm có tính khả thi nhưng lại không có trong kế hoạch nên cũng không thể giao đất để triển khai mặc dù phù hợp với kế hoạch.

- Sự gắn kết giữa quy hoạch sử dụng đất với các quy hoạch khác còn nhiều bất cập và khó khăn; đặc biệt là quy hoạch xây dựng, quy hoạch giao thông, quy hoạch ngành do không thống nhất nhau về thời kỳ quy hoạch, tiêu chí phân loại đất, định mức và chỉ tiêu loại đất ...

- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất còn thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành trong thành phố; việc chấp hành thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa nghiêm, tình trạng sử dụng đất sai mục đích, lãng phí, kém hiệu quả vẫn còn xảy ra;

- Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa thật chặt chẽ, còn thiếu sự tham gia sâu rộng của người sử dụng đất;

- Việc tái đầu tư kinh phí thu được từ đất cho công tác quản lý đất đai nói chung, cho công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nói riêng còn hạn chế và chưa được quan tâm thích đáng.

5. Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

5.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

a. Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Xác định vị trí quy hoạch sử dụng đất trong hệ thống quy hoạch (quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch ngành và lĩnh vực) để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và bố trí sử dụng hợp lý quỹ đất trên địa bàn huyện, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh. Kiên quyết thu hồi đất đối với những dự án đã được giao, cho thuê đất nhưng không thực hiện đầu tư đúng thời gian quy định, sử dụng đất không hiệu quả, sử dụng đất trái mục đích được giao, thuê; ngăn chặn có hiệu quả tình trạng mua bán, chuyển nhượng, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép. Phát huy tốt vai trò của người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị trong quản lý tài nguyên đất đai.

- Xác định Điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt sẽ là cơ sở để điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch các ngành, lĩnh vực liên quan đến việc sử dụng đất. Việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ chính quyền các cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

b. Về chính sách tài chính đất đai

Nhà nước có chính sách tạo nguồn về tài chính để các chủ thể thực hiện đúng tiến độ các dự án theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt. Có chính sách điều tiết giá trị gia tăng từ đất do Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất mang lại; điều tiết các nguồn thu từ đất để cân đối, phân phối hợp lý tạo nguồn lực phát triển đồng đều giữa các vùng miền; cải cách hệ thống thuế có liên quan đến đất đai và bất động sản nhằm ngăn chặn tình trạng chuyển nhượng đất vì mục đích đầu cơ.

c. Chính sách đối với quản lý sử dụng đất

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp lý để quản lý và bảo vệ các vùng trồng lúa, vùng phát triển rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên, vùng đặc thù.

- Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất, xây dựng cánh đồng lớn, phát triển các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp.

- Bổ sung, hoàn thiện các quy định về quản lý, sử dụng đất cho xây dựng các công trình ngầm, hoạt động thăm dò và khai thác khoáng sản, việc phục hồi đất sau khi kết thúc thăm dò, khai thác.

- Xây dựng và ban hành quy định để xác định rõ trách nhiệm cụ thể giữa tỉnh, huyện và các địa phương, trong từng ngành, từng cấp, trong từng cơ quan, đơn vị, trách nhiệm tập thể và cá nhân trong việc quản lý đất đai nói chung và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được quyết định, xét duyệt.

d. Chính sách đất đai đối với phát triển công nghiệp, đô thị

- Phối hợp với các cấp, các ngành, xây dựng cơ chế đặc thù nhằm thu hút các nhà đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp, khu đô thị theo quy hoạch.

- Phát triển đô thị phù hợp với tốc độ phát triển công nghiệp, quá trình chuyển dịch cơ cấu, tái cấu trúc nền kinh tế và rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy hoạch hệ thống đô thị để đảm bảo sử dụng hiệu quả quỹ đất xây dựng, đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật - xã hội, hiện đại và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đẩy nhanh tiến độ thu hút đầu tư, khắc phục tình trạng mất cân đối trong cơ cấu sử dụng đất đô thị giữa đất ở với đất xây dựng cơ sở hạ tầng và các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Có cơ chế giám sát việc đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án, bổ sung các điều kiện chặt chẽ khi chủ đầu tư chậm triển khai thực hiện dự án.

e. Chính sách đất đai đối với phát triển hạ tầng

- Có cơ chế tạo quỹ đất để thu hút đầu tư phát triển, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Có các giải pháp và chính sách cụ thể bảo đảm quỹ đất cho các lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn.

- Có chính sách thu hút đầu tư hạ tầng đối với quỹ đất nông nghiệp khả năng sản xuất không hiệu quả để chuyển sang sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, phát triển khu dân cư mới nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất.

f. Chính sách thu hút đầu tư

- Thực hiện các chính sách ưu đãi để thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển vào các lĩnh vực có lợi thế như công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp; có chính sách bồi thường, hỗ trợ linh hoạt đối với các trường hợp thu hồi đất; ưu tiên dành quỹ đất tái định cư để bố trí cho các hộ bị giải tỏa, thu hồi đất; đầu tư kết cấu hạ tầng tại các khu tái định cư nhằm ổn định đời sống của nhân dân. Xây dựng kế hoạch cụ thể, giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn, tạo việc làm cho lao động nông nghiệp khi bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng cơ chế tạo quỹ đất sạch theo quy hoạch; tăng cường thực hiện việc đấu giá đất khi nhà nước giao đất, cho thuê đất, khai thác khoáng sản nhằm tăng thu ngân sách từ đất, khuyến khích đầu tư phát triển vào những lĩnh vực thế mạnh của địa phương theo nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

5.2. Giải pháp về nguồn lực và đầu tư

Để đạt được các mục tiêu theo phương án quy hoạch, nhu cầu vốn đầu tư là rất lớn, yêu cầu phải tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển Vốn đầu tư được

huy động chủ yếu từ các nguồn : *Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; Nguồn vốn từ các doanh nghiệp và trong dân cư ; Đối với nguồn vốn tín dụng, liên doanh; Nguồn vốn đầu tư nước ngoài (ODA, FDI),...*

5.3. Giải pháp về sử dụng đất

a. Đất đô thị: Rà soát quy hoạch sử dụng đất đô thị theo hướng bố trí sử dụng đất hợp lý, bảo đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; Các công trình xây dựng tại các đô thị cần triệt để khai thác không gian ngầm và tăng cao theo quy định để tăng hệ số sử dụng đất.

b. Đất cơ sở hạ tầng: Bố trí quỹ đất để đầu tư phát triển hạ tầng đi trước một bước nhằm tạo động lực thu hút đầu tư thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đồng bộ. Phân rõ trách nhiệm và quản lý tốt các loại đất xây dựng hạ tầng và đất dành cho hành lang an toàn các công trình theo quy định.

5.4. Giải pháp về khoa học & công nghệ

- Bố trí đủ điều kiện vật chất, từng bước ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát, tổ chức thực hiện quy hoạch.

- Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện nội dung, phương pháp, quy trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hoàn chỉnh hệ thống các chỉ tiêu làm cơ sở đánh giá việc sử dụng đất liên quan đến kinh tế, xã hội và môi trường.

- Củng cố và nâng cao hệ thống thông tin về đất đai, tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; dự báo, cảnh báo điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế.

2.5. Giải pháp về quản lý, giám sát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai. Tăng cường công tác giám sát của HĐND và công tác thanh tra, kiểm tra trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thực hiện công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng và ban hành các chế tài xử lý các vi phạm trong việc quản lý và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật về đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về quyền và nghĩa vụ sử dụng đất, thông qua đó tạo sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, của nhân dân trong tham gia đóng góp và giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

5.6. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

- Xây dựng và thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai ở thành phố, cán bộ địa chính cấp phường, xã để đáp ứng yêu cầu phát triển và đổi mới ngành.

- Nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn trên cơ sở đào tạo theo chuyên đề; quan tâm đào tạo cho cán bộ quản lý và giám sát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở địa phương.

- Có chính sách hấp dẫn để khuyến khích thu hút đội ngũ lao động có trình độ; Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ tay nghề của người lao động, nhất là lao động nông thôn; gắn việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế với cơ cấu lao động trên cơ sở làm tốt công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề cho con em địa phương.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh;
- TT thành ủy
- TT HĐND thành phố
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Chánh văn phòng HĐND-UBND thành phố;
- Các phòng: TNMT, QLĐT, TCKH;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.
- Gửi: : + Bản giấy các TP không nhận bản ĐT;
+ Bản ĐT các TP còn lại.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đã ký

Hà Văn Trọng